

Số: 21/BC-THCSLH

Ninh Giang, ngày 10 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO

Công khai điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục Năm học 2025–2026

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường THCS Liêm Hải báo cáo công khai điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông năm học 2025–2026 theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT quy định về công khai điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục, cụ thể như sau:

I. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Cán bộ quản lý

Nhà trường có Ban Giám hiệu gồm 03 đồng chí:

Hiệu trưởng: Trần Thị Tuyết

Phó Hiệu trưởng: Vũ Văn Thế

Phó hiệu trưởng: Lê Văn Quyết

Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất chính trị vững vàng, chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước; đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn chức danh theo quy định; có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm trong công tác quản lý giáo dục. Ban Giám hiệu thực hiện tốt công tác điều hành, quản lý nhà trường, bảo đảm chất lượng và hiệu quả hoạt động giáo dục.

Ban Giám hiệu đảm bảo đủ số lượng, cơ cấu theo quy định hiện hành.

2. Đội ngũ Giáo viên

Tổng số giáo viên của nhà trường là 33 người.

Trong đó, số giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo là 30/33 người, chiếm tỷ lệ 90,9%. Nhà trường hiện không có giáo viên trên chuẩn (chiếm 0%).

Đội ngũ giáo viên cơ bản đảm bảo số lượng, cơ cấu bộ môn theo quy định hiện hành. Giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn, đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Trong quá trình công tác, giáo viên thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ chuyên môn, tích cực đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông hiện hành.

3. Nhân viên

Nhà trường có tổng số 06 nhân viên, đảm nhiệm các vị trí: kế toán, văn thư, thư viện, thiết bị và bảo vệ.

Nhân viên được bố trí theo đúng vị trí việc làm, thực hiện nhiệm vụ theo quy định hiện hành; cơ bản đáp ứng yêu cầu hoạt động giáo dục và công tác phục vụ dạy học của nhà trường.

Nhận xét chung:

Năm học 2025–2026, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của Trường THCS Liêm Hải được thống kê đầy đủ theo các biểu tổng hợp kèm theo, đảm bảo đủ số lượng theo quy định hiện hành, đáp ứng yêu cầu tổ chức và triển khai nhiệm vụ giáo dục của nhà trường. *(Phụ lục kèm theo)*

II. CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Quy mô đất đai, trường lớp

Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng/chưa đáp ứng
Tổng diện tích khuôn viên	m ²	8.050m ²	Cơ bản đáp ứng
Diện tích bình quân/hs	m ²	10,8m ² /hs	Đáp ứng
Số lớp học	Lớp	18	Đảm bảo
Số học sinh	Học sinh	747	Đảm bảo

Nhận xét:

Nhà trường có tổng diện tích khuôn viên 8.050 m² với 18 lớp và 747 học sinh; diện tích bình quân đạt 10,8 m²/học sinh, đáp ứng quy định về cơ sở vật chất đối với trường trung học cơ sở. Quy mô 18 lớp với bình quân khoảng 41,5 học sinh/lớp, bảo đảm theo quy định của Điều lệ trường trung học. Diện tích khuôn viên đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường

2. Phòng học và phòng chức năng

Loại phòng	Số lượng	Kiên cố	Bán kiên cố	Đáp ứng/chưa đáp ứng
Phòng học văn hóa	18	x		Đáp ứng
Phòng bộ môn	04	x		Chưa đáp ứng
Phòng thí nghiệm, thực hành	0	0		Chưa đáp ứng
Thư viện	01	x		Đáp ứng
Phòng hội đồng (phòng họp)	01	x		Đáp ứng
Phòng Hiệu trưởng, PHT	03	x		Đáp ứng
Phòng văn phòng, Kế toán	02	x		Đáp ứng
Phòng Đoàn Đội	01	x		Đáp ứng
Phòng y tế	01	x		Đáp ứng
Phòng bảo vệ	01	x		Đáp ứng
Kho thiết bị	03	x		Chưa đáp ứng

Nhận xét:

Nhà trường có đủ phòng học văn hóa để tổ chức dạy học 01 ca; các phòng bộ môn, thư viện, phòng làm việc và các phòng chức năng cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý, giảng dạy và học tập. Tuy nhiên, nhà trường còn thiếu phòng học bộ môn (Âm nhạc, MT, Công nghệ, KHXH); chưa có phòng thí nghiệm, thực hành và nhà đa năng, cần tiếp tục được đầu tư trong thời gian tới.

3. Khu vực phụ trợ

Hạng mục	Có/ không	Số lượng	Diện tích	Đáp ứng/chưa đáp ứng
Sân chơi	Có	01	3.200m ²	Đáp ứng yêu cầu
Bãi tập	Có	01	720m ²	Cơ bản đáp ứng yêu cầu
Nhà đa năng	Không	0	0	Chưa đáp ứng yêu cầu
Khu vệ sinh đạt tiêu chuẩn	Giáo viên	02	40m ²	Đáp ứng yêu cầu
	Học sinh	04	80m ²	Đáp ứng yêu cầu
Khu để xe	Giáo viên	01	70m ²	Đáp ứng yêu cầu
	Học sinh	03	300m ²	Đáp ứng yêu cầu

Nhận xét:

Nhà trường có sân chơi, bãi tập, khu vệ sinh và khu để xe được bố trí riêng cho giáo viên và học sinh, cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục và sinh hoạt trong nhà trường. Khuôn viên trường bảo đảm xanh, sạch, đẹp, an toàn, tạo môi trường học tập thuận lợi cho học sinh. Tuy nhiên, nhà trường chưa có nhà đa năng, do đó chưa đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn về cơ sở vật chất theo quy định; nhà trường đang đề xuất đầu tư xây dựng để hoàn thiện điều kiện phục vụ dạy học và các hoạt động giáo dục.

4. Trang thiết bị dạy học

Nội dung	Số lượng	Đáp ứng/Chưa đáp ứng	Ghi chú
1.TB dạy học tối thiểu			
Khối 6	Chưa được trang bị	Chưa đáp ứng danh mục tối thiểu	
Khối 7	Chưa được trang bị	Chưa đáp ứng danh mục tối thiểu	
Khối 8	Chưa được trang bị	Chưa đáp ứng danh mục tối thiểu	
Khối 9	Chưa được trang bị	Chưa đáp ứng danh mục tối thiểu	
2. Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính:			

bộ)			
- Phòng Tin học	23 bộ	Đáp ứng yêu cầu	02 hs/máy
- Lớp học	18	Đáp ứng yêu cầu	01 bộ/lớp
3. Tổng số ti vi	18	Đáp ứng yêu cầu	01 tivi/lớp
4. TB dùng chung			
- Ti vi	04	Đáp ứng yêu cầu	01 tivi/phòng BM
- Cassette	06	Đáp ứng yêu cầu	
- Đầu video/đầu đĩa	01	Đáp ứng yêu cầu	
- Máy chiếu, bảng tương tác...	02	Đáp ứng yêu cầu	
- Thiết bị khác: Loa di động	01	Đáp ứng yêu cầu	

Nhận xét:

Nhà trường được trang bị cơ bản các thiết bị phục vụ dạy học và quản lý. 100% lớp học có tivi (18/18 lớp), mỗi lớp được trang bị 01 máy tính phục vụ giảng dạy. Phòng Tin học có 23 máy vi tính đang hoạt động, bảo đảm tỷ lệ bình quân khoảng 02 học sinh/máy, đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học môn Tin học theo chương trình giáo dục phổ thông.

5. Thư viện và học liệu

Nội dung	Số lượng	Đáp ứng/Chưa đáp ứng	Ghi chú
Sách giáo khoa dùng chung (các khối)	600 bản	Cơ bản đáp ứng	
Sách tham khảo	400 bản	Cơ bản đáp ứng	
Máy tính	05	Đáp ứng yêu cầu	
Học liệu số	50 bài giảng ĐT, 200 đề thi, đề KT	Cơ bản đáp ứng	

Nhận xét, đánh giá:

Thư viện nhà trường hiện có 600 bản sách giáo khoa dùng chung, 400 bản sách tham khảo và 05 máy tính phục vụ công tác quản lý, tra cứu tài liệu. Nhà trường đã xây dựng và khai thác học liệu số gồm 50 bài giảng điện tử và 200 đề kiểm tra, đề thi phục vụ hoạt động dạy học và kiểm tra, đánh giá. Nguồn học liệu cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong nhà trường

III. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Nhà trường đang tiếp tục duy trì và thực hiện cải tiến chất lượng, chuẩn bị hồ sơ phục vụ đánh giá ngoài theo quy định.

Báo cáo này được công khai theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT.

Trên đây là báo cáo công khai điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục của Trường THCS Liêm Hải năm học 2025-2026./.

Nơi nhận:

- UBND xã (để báo cáo);
- Công khai trên website;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Tuyết

(Điều 8)**Biểu 01. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên**

TT	Nội dung	Tổng số	Nữ	Trình độ CD chuẩn	Trình độ đạt chuẩn	Trình độ trên chuẩn	Ghi chú
1	Cán bộ quản lý	03	01	0	03	0	
2	Giáo viên	33	21	03	30	0	
3	Nhân viên	06	05	02	04	0	02 bảo vệ
	Tổng	42	26	05	37	0	

Biểu 02. Trình độ đào tạo và cơ cấu giáo viên theo môn học

TT		Tổng số	Trình độ đào tạo			Thừa	Thiếu	Ghi chú
			Trên ĐH	ĐH	CD			
	Giáo viên	33	0	30	03			
1	Ngữ văn	5	0	5	0	Đủ		
2	Toán học	9	0	9	0	Đủ		
3	Tiếng Anh	3	0	3	0	Đủ		
4	GDCD	1	0	1	0	Đủ		
5	Lịch sử - Địa lí							
	- Lịch sử	2	0	2	0	Đủ		
	- Địa lí	1	0		1		Thiếu	
6	Khoa học tự nhiên							
	- Vật lí	2	0	2	0	Đủ		
	- Hóa học	2	0	2	0	Đủ		
	- Sinh học	2	0	2	0	Đủ		
7	Công nghệ	1	0	0	1	Đủ	Thiếu	
8	Tin học	1	0	1	0	Đủ		
9	GDTC	2	0	2	0	Đủ		
10	Nghệ thuật							

	- Âm nhạc	1	0	1	0	Đủ		
	- Mĩ thuật	1	0	0	1	Đủ		

Biểu 03. Nhân viên theo vị trí việc làm

TT	Nội dung	Tổng số	Nữ	Trình độ TC	Trình độ CĐ	Trình độ ĐH	Ghi chú
1	Kế toán	01	01	0	0	01	
2	Văn thư	01	01	01	0	0	
	Thư viện						Kiểm nhiệm
3	Y tế	01	01	01	0	0	
4	Thiết bị	01	01	0	0	01	Kiểm nhiệm
5	Bảo vệ	02	01	0	0	0	HĐ
	Tổng	06	05	01	0	02	

